

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 836/2026/DS-PT
Ngày: 23 - 6 - 2026
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng nợ
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Lành
Các Thẩm phán: Bà Dương Thuý Hằng
Bà Đinh Thị Ngọc Yên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, *Kiểm sát viên.*

Ngày 17 và 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng nợ hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2026/DS-ST ngày 19/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 419/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Thái Phan L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thái Phan L: Bà Lê Nguyễn Kim H - Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn Kim H- Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Số F, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Đỗ Thị M, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2025); (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn P, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Thái Phan L trình bày:

Giữa ông L và bà Nguyễn Thị N là hàng xóm quen biết với nhau, ông L gọi bà N bằng cô xưng cháu, ông có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị N làm chủ thảo hụi từ năm 2021 đến năm 2025 thì ngưng do bị bể hụi, sau khi bể hụi ông L và bà N có tính toán chốt lại 12 phần hụi mà ông tham gia, ngày 25/4/2025 bà N viết giấy chốt nợ với tổng số tiền 849.400.000 đồng và chuyển thành tiền vay, hẹn mỗi tháng trả 70.000.000 đồng vào ngày 25 mỗi tháng nhưng bà không thực hiện nên ông L làm đơn khởi kiện. Số tiền 849.400.000 đồng có nguồn gốc từ 12 phần hụi như sau;

1. Hụi khai ngày 06/2/2023, 3.000.000 đồng/ tháng có 28 phần, ông lĩnh hụi lần thứ 25, bà N viết giấy cho ông ghi số tiền còn nợ là 43.900.0000 đồng

2. Hụi khai ngày 13/01/2023, 3.000.000 đồng/ tháng (tham gia 02 phần) đây thứ nhất 26 phần, trả tiền mua hụi cho bà N 43.720.000 đồng (mua lần thứ 21), kết thúc hụi ngày 13/02/2025 thành tiền (25 kỳ x 3.000.000 đồng) 75.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, bà N phải đăng lại 73.500.000 đồng.

Đối với đây thứ hai gồm 25 phần đưa tiền mua hụi cho bà N 42.820.000 đồng (mua lần thứ 21) mãi hụi ngày 13/01/2025, thành tiền đăng hụi khi kết thúc (24 kỳ x 3.000.000) 72.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, phải đăng lại cho ông L 70.500.000 đồng;

3. Hụi khai ngày 17/01/2023, 3.000.000 đồng/ tháng 26 phần đưa tiền mua hụi cho bà N 46.410.000 đồng (mua lần thứ 22), mãi hụi ngày 17/02/2025 thành tiền là (25 kỳ x 3.000.000 đồng) 75.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, còn phải đăng lại 73.500.000 đồng;

4. Hụi khai ngày 18/01/2023, hụi 3.000.000 đồng/ tháng, gồm 25 phần đưa tiền mua hụi cho bà N 41.290.000 đồng (mua lần thứ 20), kết thúc 17/01/2025 (24 kỳ x 3.000.000 đồng) 72.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, phải đăng lại 70.500.000 đồng;

5. Hụi khai ngày 08/02/2023, hụi 3.000.000 đồng/ tháng, gồm 24 phần đưa tiền mua hụi cho bà N 42.070.000 đồng (mua lần thứ 20) kết thúc hụi ngày 08/01/2025 thành tiền đăng hụi là (23 kỳ x 3.000.000 đồng) 69.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, phải đăng lại 67.500.000 đồng;

6. Hụi khai ngày 02/02/2023, hụi 3.000.000 đồng/ tháng, gồm 25 phần đưa tiền mua hụi cho bà N hết 40.610.000 đồng (mua lần thứ 20), mãi hụi ngày 02/2/2025 thành tiền đăng hụi là (24 kỳ x 3.000.000 đồng) 72.000.000 đồng – 1.500.000 đồng

tiền huê hồng, phải đăng lại 70.500.000 đồng;

7. Hui khui ngày 04/02/2023, hui 3.000.000 đồng, gồm 27 phần đưa tiền mua hui cho bà N 44.920.000 đồng (mua lần thứ 23), ngày 04/4/2025 kết thúc hui (26 kỳ x 3.000.000 đồng) 78.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, phải đăng lại 76.500.000 đồng;

8. Hui khui ngày 29/02/2023, 3.000.000 đồng/ tháng, gồm 27 phần đưa tiền mua hui cho bà N 45.260.000 đồng (mua lần thứ 22), kết thúc hui ngày 29/4/2025; Do bà N ngưng không khui hui nên ông L và bà N thống nhất với nhau bà N tính tiền thành hui mãi ghi giấy nợ ngày 25/4/2025 (26 kỳ x 3.000.000 đồng) nên thành tiền đăng hui là 78.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, số tiền phải đăng lại 76.500.000 đồng;

9. Hui khui ngày 04/3/2023, 3.000.000 đồng/ tháng, gồm 27 phần đưa tiền mua hui cho bà N 43.790.000 đồng (mua lần thứ 22), kết thúc hui ngày 04/5/2025; Do bà N ngưng không tiếp tục khui hui nên ông L và bà N thống nhất với nhau ngày viết giấy nợ 25/4/2025 bà N tính tiền hui (26 kỳ x 3.000.000 đồng) 78.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, còn phải đăng lại 76.500.000 đồng;

10. Hui khui ngày 28/3/2023, 3.000.000 đồng/ tháng gồm 26 phần trả tiền mua hui cho bà N hết 43.660.000 đồng (mua lần thứ 21), kết thúc hui ngày 28/4/2025; Do bà N ngưng không khui hui nên ông và bà N thống nhất với nhau bà N tính hui mãi (25 kỳ x 3.000.000 đồng) 75.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, còn phải đăng lại 73.500.000 đồng;

11. Đối với dây hui khui ngày 28/3/2023, 3.000.000 đồng/ tháng gồm 27 phần đưa tiền mua hui cho bà N hết 42.830.000 đồng (mua lần thứ 21), hui kết thúc ngày 28/5/2025, bà N và ông L thống nhất tính tiền hui (26 kỳ x 3.000.000 đồng) là 78.000.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền huê hồng, còn phải đăng lại 76.500.000 đồng;

Bà N tự viết giấy chốt nợ tính từng dây hui vào ngày 25/4/2025 với số tiền 849.400.000 đồng, nên trên các tờ giấy tính hui bà N mới viết chữ “xong” số tiền tính từng dây hui đúng với số tiền ghi chốt nợ và mượn lại, số tiền này không liên quan đến số tiền nợ mà ông Thái Văn P đang khởi kiện trong một vụ án khác.

Nay ông L yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 849.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Đỗ Thị M và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ông L không tham gia góp hui do bà N làm chủ thảo hui, chỉ có mình ông P là cha ruột của ông L tham gia góp hui. Bà xác nhận tờ giấy nợ ngày 25/4/2025 đòi với số tiền 849.400.000 đồng do bà viết ra nhưng không phải số tiền nợ mà bà nợ ông Thái Phan L, giấy nợ bà viết cho 01 hui viên khác khi đã thanh toán nợ xong bà lấy về nhà cất, giấy nợ bà viết cho con của chị T (tên M1), việc tham gia góp hui do chị T trực tiếp tham gia, không gặp mặt anh M1 lần nào. Tổng số tiền mà bà nợ chị T khoảng hơn 01 tỷ có trả nhiều lần còn lại 849.400.000 đồng (thực tế là viết trước ngày 25/4/2025), giấy nợ này bà viết tại nhà riêng của bà (chỉ có mặt bà và bà T).

Chị T trực tiếp tham gia góp hui bà đăng hui cho chị T, sau khi tính tiền hui của các phần hui thành số tiền cụ thể bà mới thỏa thuận với chị T xin vay lại tiền hui chữ “tôi có mượn của cháu lại số tiền này” mục đích ghi để biết ngày trả lãi, không biết họ tên con của chị T để ghi, nên không ghi cụ thể cho ai. Do vậy nay ông L khởi kiện bà số tiền 849.400.000 đồng bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn P trình bày:

Ông là cha ruột của Thái P, ông và L1 có tham gia góp hui do bà Nguyễn Thị N làm chủ thảo hui, bà N tuyên bố bế hui nên ngày 25/4/2025 ông đến nhà bà N yêu cầu tính toán tiền hui của 15 phần hui mà bà N còn nợ ông cụ thể là theo giấy chốt nợ ngày 25/4/2025, bà N nợ ông 1.096.500.000 đồng, số tiền này bà N viết giấy mượn lại và hẹn mỗi tháng trả 100.000.000 đồng; do ông L1 đi làm xa nên ông tới nhà bà N trước yêu cầu bà N tính giấy chốt hui, đến chiều L1 mới tới nhà bà N làm giấy chốt nợ riêng; Do đó số tiền L1 đi khởi kiện 849.400.000 đồng có nguồn gốc cũng từ tiền hui bà N viết giấy chốt nợ với L1 là khoản nợ không liên quan đến ông. Đối với số nợ của ông đang làm đơn khởi kiện tại Tòa án khu vực 11 - Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thái Phan L, bà Lê Nguyễn Kim H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Thái P và ông Thái Văn P, trong vụ án này ông L khởi kiện bà N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có nguồn gốc từ tiền hui bà N và anh L đã chốt nợ với nhau từng phần hui tính thành giấy nợ ngày 25/4/2025 với số tiền 849.400.000 đồng, nên yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho ông L số tiền gốc 849.400.000 đồng, không tranh chấp về tiền hui;

Tại Bản án sơ thẩm 61/2026/DS-ST ngày 19/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Phan L về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả (thanh toán) cho ông Thái Phan L số tiền vay gốc 849.400.000 (tám trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng), ghi nhận anh Thái Phan L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu: 37.482.000 (Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Ông Thái Phan L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Thái Phan L số tiền tạm ứng án phí 18.741.000 đồng theo biên lai thu số 0000518 ngày 11/7/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2026 bà Nguyễn Thị N kháng cáo theo hướng yêu cầu cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N tiếp tục khẳng định ông L không tham gia chơi hụi, mua hụi do bà N làm chủ hụi. Các tài liệu chứng cứ ông Long cung C không rõ từ đâu ông L có. Riêng số tiền hụi đóng của 11 dây hụi là số hụi ông Thái Văn P tham gia chơi. Do các dây hụi này bà đã trả hết tiền cho ông P nên ghi chữ “xong” trên mỗi phiếu. Các phần hụi này không phải các dây hụi hiện ông P đang khởi kiện bà N tại cấp sơ thẩm. Nội dung trên các phiếu của 11 dây hụi này chỉ là số tiền đóng của hụi viên từng tháng, không phải là tiền chốt nợ của từng dây hụi.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên quan điểm trình bày tại cấp sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Thái P khởi kiện Nguyễn Thị N số tiền 849.400.000 đồng căn cứ giấy nợ ngày 25/4/2025. Giấy nợ này không ghi tiền vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N không thừa nhận vay tiền của ông L. Ông L trình bày nguồn gốc số tiền nợ là tiền ông L chơi hụi do bà N làm chủ hụi. Bà N không thanh toán tiền hụi cho ông L nên viết giấy nợ. Như vậy, giấy nợ ngày 25/4/2025, ông L kiện bà N là tranh chấp nợ hụi, không phải nợ vay. Cấp sơ thẩm xác định nợ vay là không chính xác, cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng nợ hụi”.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Thái Văn L1 khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị N yêu cầu trả số tiền 849.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N không thừa nhận có nợ số tiền ông L1 khởi kiện, không thừa nhận các chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Do có tranh chấp về chứng cứ nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét chứng cứ do các đương sự cung cấp.

[3.1] Chứng cứ ông Long cung C là giấy ghi nợ ngày 25/4/2025 và 11 phiếu ghi các phần hội đóng hàng tháng và 01 phiếu chốt hội khai ngày 06-2-2023. Bà Nguyễn Thị N thừa nhận các chứng cứ ông Long cung C do bà N viết. Tuy nhiên, giấy ghi nợ ngày 25/4/2025 bà N viết cho con bà Nguyễn Thị T, tên M1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thay đổi lời khai, xác định không nhớ giấy ghi nợ viết cho ai, không thừa nhận viết cho ông L1. Xét thấy, việc ông L1 sở hữu giấy nợ không đồng nghĩa với việc giấy nợ viết cho ông L1.

Do giấy nhận nợ không ghi tên ông L1 nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét tính phù hợp của giấy nợ với các chứng cứ khác.

[3.2] Xét số phiếu ghi các phần hội đã đóng (11 phiếu). Bà N cho rằng đây là phiếu thanh toán hội cho ông Thái Văn P (cha của ông L1), các phần hội đã thanh toán xong nên có viết chữ “xong” trên mỗi phiếu. Bà N không thừa nhận có chơi hội với ông L1, không thừa nhận các chứng cứ ông Long cung C là chứng cứ chứng minh việc ông L1 tham gia hội do bà N làm chủ thảo. Mặc dù không có đủ chứng cứ để xác định các phiếu này là phần hội của ông P nhưng cũng chưa đủ căn cứ để xác định đây là các phiếu viết cho ông L1. Do đó cần đánh giá tính logic, phù hợp giữa các tài liệu này, thấy:

[3.2.1] Tại giấy ghi nợ ngày 25/4/2025 thể hiện: “Tôi có mượn của cháu lại số tiền này 43.900.000

+ 805.500.000

849.400.000

Trả 25 mỗi tháng

Hẹn mỗi tháng trả 70.000.000

Tôi có hẹn lại tới tháng 11 dương lịch vào ngày 25 tôi sẽ giải quyết cho cháu”

Mặc dù giấy nhận nợ do ông L1 nộp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện nhưng không thể hiện người cho nợ. Tại giấy nhận nợ có ghi “*tới tháng 11 dương lịch vào ngày 25 tôi sẽ giải quyết cho cháu*” nhưng ngày 03/7/2025 ông L1 đã nộp đơn khởi kiện bà N. Tuy nhiên, các bên không tranh chấp về điều kiện khởi kiện nên không xem xét.

Tại thời điểm bà N viết giấy nợ ngày 25/4/2025 có tổng số tiền 849.400.000 đồng (B1 số 48), trong đó có 805.500.000 đồng ông L1 cho rằng được tổng hợp từ 11 dây hội 3.000.000 đồng.

Tiến hành xem xét từng dây hội thì chỉ có 06/11 dây hội mãn với tổng số tiền 426.000.000 đồng, gồm có:

Dây hội thứ 1 có 25 phần khai ngày 13/01/2023, mãn ngày 13/02/2025 số tiền 70.500.000 đồng (B1 số 59);

Dây hội thứ 2 có 26 phần khui ngày 13/01/2023, mãn ngày 13/3/2025 số tiền 73.500.000 đồng (BI số 57);

Dây hội thứ 3 có 26 phần khui ngày 17/01/2023, mãn ngày 17/3/2025 số tiền 73.500.000 đồng (BI số 56);

Dây hội thứ 4 có 25 phần khui ngày 18/01/2023, mãn ngày 18/02/2025 số tiền 70.500.000 đồng (BL số 55);

Dây hội thứ 5 có 25 phần khui ngày 13/01/2023, mãn ngày 13/3/2025 số tiền 70.500.000 đồng (BI số 54)

Dây hội thứ 6 có 24 phần khui ngày 08/02/2023, mãn ngày 08/02/2025 số tiền 67.500.000 đồng (BI số 58).

Còn lại 05/11 dây hội vẫn còn đang hoạt động, ông L1 khai hốt hội gần cuối, tổng số tiền 379.500.000 đồng, gồm có:

Dây hội thứ 7 có 27 phần khui ngày 04/02/2023, mãn ngày 04/5/2025 số tiền 76.500.000 đồng (BI số 53);

Dây hội thứ 8 có 27 phần khui ngày 29/02/2023, mãn ngày 29/5/2025 số tiền 76.500.000 đồng (BI số 51)

Dây hội thứ 9 có 27 phần khui ngày 04/3/2023, mãn ngày 04/6/2025 số tiền 76.500.000 đồng (BI số 49);

Dây hội thứ 10 có 26 phần khui ngày 28/3/2023, mãn ngày 28/5/2025 số tiền 73.500.000 đồng (BI số 30)

Dây hội thứ 11 có 27 phần khui ngày 28/3/2023, mãn ngày 28/6/2025 số tiền 76.500.000 đồng (BI số 52).

Như vậy, tại thời điểm chốt giấy nợ ngày 25/4/2025 thì 05 dây hội nêu trên chưa kết thúc. Ông L1 nếu có tham gia chơi hội thì còn phải đóng hội chết lại cho bà N và không thể nào hốt được số tiền 379.500.000 đồng trong 5 dây hội nêu trên khi còn đang hoạt động. Vì số tiền 379.500.000 đồng trong 5 dây hội nêu trên mà ông L1 khởi kiện bà N là ông L1 đã tính số tiền hốt kỳ cuối của mỗi dây hội mới có được, trong khi ông L1 khai hốt "gần cuối" trong 5 dây hội nêu trên. Ông L1 khai đối với những phần hội chưa đến hạn, do bà N bị vỡ hội nên đồng ý tính hội chết cho ông L1 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà N tính hội chết cho ông L1 đối với phần hội chưa đến hạn. Bà N không thừa nhận việc này. Như vậy, ông L1 cho rằng giấy ghi nợ ngày 25/4/2025 được viết sau khi mãn hội, hai bên tính hội, bà N mới viết giấy chốt hội là không có cơ sở. (Biên bản đối chất ngày 22/02/2026 – BL 100).

[3.2.2] Ông L1 khai Giấy chốt nợ ngày 25/4/2025 được tổng hợp từ 11 giấy tính hội. Tuy nhiên, số tiền được ghi trong mỗi giấy tính hội là số tiền hội sống được đóng theo từng tháng, không phải số tiền chốt hội theo con số cuối cùng mà bà N phải trả cho ông L1 trong mỗi dây hội như ông L1 trình bày. Ngoài ra:

Đối với Dây hội thứ 1 có 25 phần khui ngày 13/01/2023 (BI số 59): Ông L1 khai, đối với phần này ông L1 đưa tiền mua hội 42.820.000 đồng (mua lần thứ 21, đóng thêm 3 lần), thành tiền đăng hội khi mãn là 72.000.000 đồng – 1.500.000 đồng

= 70.500.000 đồng (BL 82). Như vậy, lẽ ra khi chốt dây hụi này, ông L1 phải chốt với bà N số tiền bà N phải trả cho ông L1 là 70.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại BL 59 thể hiện: Số tiền đóng của 21 kỳ đóng hụi là 42.820.000. Số tiền này tiếp tục cộng với 43.720.000 đồng thành 86.540.000 đồng, sau đó trừ đi 60.000.000 đồng thành số tiền cuối cùng là 26.540.000 đồng. Ông L1 cho rằng, tại bút lục này thể hiện, tổng cộng số tiền ông L1 mua hai dây hụi 86.540.000 đồng. Ông L1 trả cho bà N 60.000.000 đồng, số tiền 26.540.000 đồng ông L1 còn nợ bà N. Tuy nhiên, ông L1 không cung cấp được chứng cứ về việc ông đã trả cho bà N số tiền mua hụi còn thiếu hoặc chứng cứ về việc cân trừ số nợ này. Đối với dây hụi này ông L1 cho rằng bà N phải trả cho ông L1 70.500.000 đồng là không có cơ sở.

Tương tự như trên, tại BL số 55, phần tiền được cộng từ dây hụi khai ngày 18/1/2023, 25 phần là 41.290.000 đồng và cộng thêm 42.190.000 đồng, tổng là 83.480.000 đồng. Ông L1 cho rằng số tiền này được cộng từ hai dây hụi nhưng không chứng minh được số tiền 42.190.000 đồng là của dây hụi nào, không lý giải được tại sao phiếu ghi hụi này chốt 83.480.000 đồng nhưng bà N lại phải trả cho ông số tiền 70.500.000 đồng (Dây hụi thứ 4, Bút lục 82).

Tại BL 53, số tiền được chốt cuối phiếu là 88.710.000 đồng, được cộng từ 44.920.000 đồng của dây hụi khai ngày 4/2/2023 gồm 27 phần và 43.790.000 đồng. Ông L1 không lý giải được số tiền 43.790.000 đồng là tiền của dây hụi nào. Không lý giải được tại sao phiếu chốt số tiền cuối cùng 88.710.000 đồng nhưng bà N lại phải trả cho ông L1 số tiền 76.500.000 đồng (Dây hụi thứ 7, BL 82)

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở khẳng định 11 phiếu ghi số tiền hụi đóng hàng tháng mà ông L1 sử dụng làm căn cứ khởi kiện bà N theo giấy nợ ngày 25/4/2025 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2.3] Đối với số tiền 43.900.000 đồng trong tổng số tiền 849.400.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/4/2025 (B1 số 48) mà ông L1 nộp bổ sung cho tòa ngày 22/01/2026 thấy rằng theo giấy hụi 3.000.000 đồng khai ngày 06/2/2023, có 28 phần (BL số 102) thì không nằm trong 11 dây hụi mà L1 đã khởi kiện. Trong khi đó, 11 dây hụi mà ông L1 khởi kiện có 02 dây hụi thời gian khai liên kế với dây hụi khai ngày 06/02/2023, gồm dây hụi khai ngày 04/2/2023-mãn ngày 04/5/2025 (trước 2 ngày) và dây khai ngày 08/2/2023-mãn ngày 08/02/2025 (sau 2 ngày) nhưng quá trình khởi kiện, ông L1 chỉ xác định tham gia chơi 11 dây hụi 3.000.000 đồng với bà N. Cách chốt số tiền 43.900.000 đồng cũng không thống nhất với cách chốt của 11 dây hụi còn lại. Tại giấy chốt này thể hiện, số phần của dây hụi, số phần hụi chết, hụi sống, số tiền thảo, số tiền đã đăng, số tiền cân trừ, kết quả ra số tiền phải trả. Như vậy, dây hụi cùng thời gian nhưng có cách chốt khác nhau là không phù hợp. Tại lời trình bày của người đại diện ông L1 là ông S cho rằng, số tiền 43.900.000 đồng là ông L1 cho bà N vay tiền mặt riêng (BL 45). Như vậy, lời trình bày của ông L1 và ông S về nguồn gốc số tiền này mâu thuẫn. Do vậy, số tiền 43.900.000 đồng mà L1 cho rằng hốt dây hụi khai ngày 06/02/2023 với bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quá trình tòa án giải quyết, lời khai của ông L1 có nhiều mâu thuẫn và không phù hợp với các nhân chứng mà ông L1 yêu cầu tòa án xác minh, cụ thể:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2025 (BL số 24) ông L1 và người đại diện (ông S) chỉ khai tham gia 11 dây hụi 3.000.000 đồng do bà N làm chủ thảo. Tuy nhiên, 11 dây hụi mãi, không rõ lãnh được bao nhiêu tiền.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 06/11/2025 (BL số 45) thì L1 và người đại diện (S) lại khai có 06/11 dây hụi cuối, còn 05/11 dây hụi "gần cuối" và liệt kê cụ thể số tiền được hụi 11 dây với số tiền 805.500.000 đồng cho phù hợp (khớp, đúng) với số tiền hụi trong giấy nợ ngày 25/4/2025.

Đối với các nhân chứng ông L1 yêu cầu tòa án xác minh về việc có biết ông L1 chơi hụi với bà N, gồm có ông Lê Thanh S (B1 số 180), ông Lê Thanh M2 (B1 số 79) và bà Đặng Thị Mỹ H1 (B1 số 28) đều xác định có thấy L1 và ông P (cha ruột L1) đến nhà bà N nhiều lần nhưng không biết L1 có tham gia chơi dây hụi nào với bà N hay không và cũng không nghe bà N nợ tiền của L1. Lời khai của các nhân chứng phù hợp với lời khai của bà N là L1 chỉ chở ông P (cha ruột L1) đến nhà bà để ông P tham gia chơi hụi, còn L1 không có tham gia chơi hụi với bà. Ông L1 khai 12 dây hụi ông L1 đều mua ở các lần hụi từ lần thứ 20 trở lên. Như vậy số lần ông L1 đi tham gia khui hụi (nếu có) sẽ không nhiều. Do đó việc người làm chứng trình bày gặp ông L1 đi khui hụi nhiều lần có căn cứ xác định là ông L1 chở ông P đến khui hụi, không phải ông L1 trực tiếp tham gia như ông trình bày.

Đối với ý kiến của bà N: Bà N không thừa nhận chứng cứ do ông Long cung C nhưng không chứng minh được những giấy tính hụi này tính cho ai. Mặc dù lời khai của bà N không thuyết phục và xuất phát từ việc bà không lưu trữ hồ sơ đối với các dây hụi do mình làm chủ dẫn đến không xác định được chính xác người tham gia dây hụi, quá trình hoạt động hụi. Mặc dù, việc này không đúng quy định theo Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hụi, họ, biếu, phường nhưng không đương nhiên làm các chứng cứ do ông L1 đưa ra là có hiệu lực.

[5] Từ các lập luận trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Thái Phan L là chưa đánh giá khách quan toàn bộ nội dung vụ án. Cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2026/DS-ST ngày 19-3-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Phan L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền 849.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Phan L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bà N không phải chịu án phí.

[8] Án phí phúc thẩm dân sự: Do kháng cáo bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2026/DS-ST ngày 19-3-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Phan L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền 849.400.000 đồng.

Ông Thái Phan L phải chịu 37.482.000 (Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng) tiền án phí DSST. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 18.741.000 đồng theo biên lai thu số 0000518 ngày 11/7/2025. Ông L còn phải nộp thêm 18.741.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006785, ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 11 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thuý Lành